

QUYẾT ĐỊNH

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 9272
	Ngày: 25/12/13
	Chuyên:

**Phê duyệt danh mục đề tài, dự án khoa học
và công nghệ triển khai thực hiện năm 2014**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt kế hoạch nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 2835/KH-UBND ngày 29/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi;

Trên cơ sở kết quả các cuộc họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2014 được tổ chức vào ngày 08/11/2013 và ngày 22/11/2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 744/TTr-SKH-CN ngày 03/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục đề tài, dự án khoa học và công nghệ triển khai thực hiện mới năm 2014; gồm 15 đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh (*Chi tiết Danh mục tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ:

- Tổ chức các Hội đồng Khoa học và Công nghệ xét duyệt thuyết minh đề cương các đề tài, dự án khoa học và công nghệ về sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, tính chất nghiên cứu, khả năng ứng dụng kết quả sau nghiên cứu (đối với đề tài khoa học và công nghệ) và khả năng nhân rộng (đối với dự án khoa học và công nghệ) theo đúng quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

- Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sau khi xét duyệt đề cương đạt yêu cầu (đã hoàn chỉnh đề cương thuyết minh theo ý kiến của Hội đồng xét duyệt thuyết minh đề cương và thông qua Hội đồng thẩm định về tài chính).

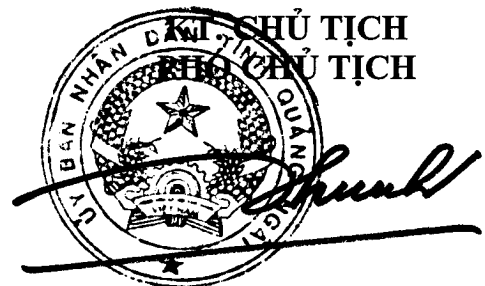
- Đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sau khi xét duyệt đề cương không đạt yêu cầu, giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định không thực hiện và báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan, các tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh;
- VPUB: PCVP(VX), KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, VHXXH.nk893



Lê Quang Thích

DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2014
(Kèm theo Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



T	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tỉnh cấp thực hiện	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
I	Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn				
1	Đề tài: Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục lịch sử truyền thống và lịch sử Đảng, lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.	Giao trực tiếp cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy là cơ quan chủ trì và CN. Trần Đức Minh, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy là chủ nhiệm đề tài.	- Quảng Ngãi là một tỉnh giàu truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng với tinh thần cách mạng triệt để, luôn đi đầu trong các phong trào cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây, xây dựng và bảo vệ tổ quốc ngày nay. - Là cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy, trực tiếp tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi và thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục trên địa bàn, từ thực tiễn của địa phương, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy nhận thấy: Công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống và lịch sử Đảng, lịch sử Đảng bộ tỉnh đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn trong thời gian qua chưa nhiều, chưa phát huy được sự quan tâm của đông đảo quần chúng nhân dân, góp phần vào nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng tình cảm cách mạng, truyền thống yêu nước của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Bên cạnh đó, công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục những kiến thức về lịch sử truyền thống và lịch sử Đảng, lịch sử Đảng bộ tỉnh đôi lúc còn kém hiệu quả và chưa được triển khai tốt. Việc biên soạn tài liệu lịch sử và giảng dạy trong các nhà trường còn hạn chế. Việc nghiên cứu, biên soạn các đề tài lịch sử ở một số địa phương chưa được chú trọng đúng mức. Do đó, tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục lịch sử truyền thống và lịch sử Đảng, lịch sử Đảng bộ tỉnh đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hiện nay là rất cần thiết.	* Định hướng mục tiêu: - Đánh giá một cách toàn diện, khách quan, khoa học và phân tích làm sáng tỏ thực trạng công tác tuyên truyền giáo dục lịch sử truyền thống và lịch sử Đảng, lịch sử Đảng bộ tỉnh đến cán bộ Đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. - Đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục lịch sử truyền thống và lịch sử Đảng, lịch sử Đảng bộ tỉnh. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Kết quả điều tra xã hội học khoảng 2.000 phiếu; - Báo cáo phân tích, xử lý số liệu điều tra, khảo sát; - Các báo cáo chuyên đề khoa học đề tài thực hiện; - Kỷ yếu hội thảo khoa học; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài.	Thời gian thực hiện 24 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
2	Đề tài: Nghiên cứu biên soạn tài liệu dạy học tiếng Kor cho cán bộ, công chức (người Kinh) công tác tại huyện Trà Bồng và huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi.	Giao trực tiếp cho UBND huyện Trà Bồng là cơ quan chủ trì.	- Quảng Ngãi là địa phương có nhiều dân tộc thiểu số, trong đó có những dân tộc có số lượng dân cư lớn. Nhìn tổng thể, đặc điểm cơ cấu dân cư và địa bàn cư trú của các dân tộc anh em qua suốt quá trình lịch sử đã đặt ra yêu cầu cho người Kinh học tập tiếng nói của các dân tộc thiểu số trong tỉnh từ rất sớm. Tuy nhiên, do các ngôn ngữ của dân tộc thiểu số ở đây chưa có chữ viết chính thức và quá trình tổ chức học tập được tiến hành bằng con đường tự phát, tự nhiên nên hiệu quả chưa đánh giá được và nhìn chung chưa cao. - Ngày nay, nhiệm vụ phát triển toàn diện kinh tế - xã hội cho khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc theo mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho khu vực này sớm tiến kịp với các khu vực miền xuôi, kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh tiêu cực trong vùng đồng bào dân tộc lại càng đòi hỏi việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức (người Kinh) là hết sức cần thiết. - Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 9/11/2004 về đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.	* Định hướng mục tiêu: Nghiên cứu, biên soạn tài liệu dạy học tiếng Kor cho cán bộ công chức (người Kinh) đang công tác tại huyện Trà Bồng, huyện Tây Trà và tại các cơ quan trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, huyện và xã có liên quan. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Bộ tài liệu gồm 120 bài học; Bộ tài liệu hướng dẫn giảng dạy chung và từng bài; - Bộ tiêu chuẩn tuyển chọn giáo viên dạy tiếng Kor; - Quy trình tập huấn giáo viên đứng lớp; - Thiết kế kế hoạch đào tạo; Bộ đề và hướng dẫn đánh giá tốt nghiệp; - Bảng tra cứu từ vựng, chú giải ngữ pháp, đồ dùng dạy học; - Kỳ yếu hội thảo khoa học; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài.	Thời gian thực hiện 24 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
3	Đề tài: Nghiên cứu tình trạng bệnh học đường ở học sinh cấp tiểu học tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất các biện pháp phòng chống.	Giao trực tiếp cho Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi là cơ quan chủ trì.	- Tình trạng các bệnh học đường như cận thị, loạn thị, lệch cột sống,... rất phổ biến ở học sinh cấp tiểu học. Nguyên nhân của các bệnh này là do các em chưa biết tự chăm sóc bản thân, gia đình, nhà trường ít quan tâm; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập, giảng dạy không đảm bảo. - Nghiên cứu tình trạng bệnh học đường ở học sinh cấp tiểu học tỉnh Quảng Ngãi để xác định nguyên nhân cụ thể cho từng khu vực khác nhau như miền núi, đồng bằng, thành phố, vùng ven biển là việc rất cần thiết góp phần chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho học sinh cấp tiểu học tỉnh Quảng Ngãi.	* Định hướng mục tiêu: Đánh giá tình trạng bệnh học đường của học sinh cấp tiểu học tỉnh Quảng Ngãi, xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp phòng chống phù hợp cho từng vùng của tỉnh Quảng Ngãi như miền núi, đồng bằng, thành phố và ven biển. *Yêu cầu đối với sản phẩm: - Dữ liệu chính xác về tỷ lệ học sinh mắc bệnh học đường; xác định nguyên nhân gây ra tình trạng học sinh mắc bệnh học đường và các giải pháp phòng chống. - Tài liệu tuyên truyền như sách phổ biến kiến thức phòng chống các bệnh học đường, tờ rơi; - Tập huấn nâng cao nhận thức cho 300 giáo viên tiểu học; - Kỷ yếu hội thảo khoa học; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài.	Thời gian thực hiện 18 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
4	Dự án: Bảo tồn và phát huy nghệ thuật dân ca Bài chòi và Hát hò tỉnh Quảng Ngãi.	Giao tiếp cho Trung tâm Bảo tồn và Phát huy nghệ thuật dân ca Bài chòi và Hát hò tỉnh Quảng Ngãi chủ trì thực hiện.	- Bài chòi và Hát hò là thể loại dân ca với hình thức diễn xướng, ra đời trong môi trường lao động và giao lưu sinh hoạt ở nông thôn, đồng thời là món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân Quảng Ngãi xưa. Là một thể loại hò hát dân gian, gắn liền với đời sống của người lao động, nội dung hát hò thể hiện một cách đa dạng, phong phú cuộc sống nông thôn và những cung bậc tình cảm của người dân Quảng Ngãi, nhiều câu hát ngợi ca quê hương với một niềm tự hào khôn tả. - Từ năm 1945 đến 1975 các vùng quê Quảng Ngãi vẫn còn một số nơi tổ chức Hát hò và Bài chòi. Từ năm 1975 đến nay, còn rất ít địa phương tổ chức sinh hoạt diễn xướng các loại hình nghệ thuật tập thể cộng đồng này. Kho tàng văn nghệ dân gian Bài chòi và Hát hò của địa phương đang có nguy cơ mai một. - Bài chòi và Hát hò là di sản văn hóa phi vật thể, nếu không kịp thời nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy, khi những nghệ nhân dân gian nắm giữ các di sản ấy ngày càng già yếu và mất đi thì chúng ta không còn cơ hội để nghiên cứu về nó một cách đầy đủ.	* Định hướng mục tiêu: Phục dựng, bảo tồn và phát huy nghệ thuật dân ca Bài chòi, Hát hò trong đời sống tinh thần ở Quảng Ngãi. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Xây dựng đội ngũ diễn viên chuyên nghiệp biểu diễn các tiết mục nghệ thuật dân ca bài chòi và hát hò tỉnh Quảng Ngãi. - Phục hồi và dàn dựng các tiết mục dân ca Bài chòi và Hát hò dân gian tỉnh Quảng Ngãi tiêu biểu (khoảng 15 tiết mục); - Các báo cáo chuyên đề làm rõ các giá trị nghệ thuật và thực trạng của dân ca Bài chòi và Hát hò dân gian tỉnh Quảng Ngãi; - Các giải pháp bảo tồn, duy trì và phát huy nghệ thuật dân ca bài chòi và hát hò dân gian tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn hiện nay. - Phim, ảnh tư liệu; - Kỷ yếu hội thảo khoa học; - Bài báo giới thiệu kết quả dự án; - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng hợp kết quả của dự án.	Thời gian thực hiện 30 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
II	Lĩnh vực Nông, lâm, ngư nghiệp				
Các dự án Khoa học và Công nghệ thuộc “Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015”					
5	Dự án: Phát triển chăn nuôi bò thành nghề sản xuất chính của hộ gia đình trên địa bàn huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.	Giao trực tiếp cho Trạm Khuyến nông huyện Đức Phổ chủ trì thực hiện.	- Hiện nay, trên địa bàn huyện Đức Phổ có tổng đàn bò khoảng 31.100 con. Từ năm 1995, công tác lai tạo đàn bò đã được đẩy mạnh và tỉ lệ đàn bò lai chiếm 67% tổng đàn bò trên địa bàn huyện; trọng lượng bò đực trung bình 280 – 300 kg/con, bò cái đạt 200 - 220 kg/con; trong đó đàn bò sinh sản và hậu bị chiếm 32 - 35%. Tuy nhiên, chăn nuôi bò vẫn còn nhỏ lẻ và phân tán trong dân cư, chưa hình thành vùng chăn nuôi tập trung, tình trạng bệnh dịch lây lan khó kiểm soát; thiếu nguồn giống chất lượng. - Để tiếp tục nâng cao chất lượng đàn bò trên địa bàn và hình thành các mô hình chăn nuôi đạt hiệu quả cao trở thành nguồn thu nhập chính của nông hộ. Việc xây dựng dự án “Phát triển chăn nuôi bò thành nghề sản xuất chính của hộ gia đình trên địa bàn huyện Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi” là cần thiết.	* Định hướng mục tiêu: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển nghề chăn nuôi bò nhằm tăng hiệu quả kinh tế đảm bảo thu nhập cho hộ gia đình tại huyện Đức Phổ. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Phôi giống 3.000 con bò cái sinh sản. - Mô hình chăn nuôi bò thâm canh quy mô 300 hộ dân tham gia. - 10 Kỹ thuật viên cơ sở am hiểu được kỹ thuật thâm canh bò cái sinh sản và bò thịt; 500 hộ dân nắm bắt được kỹ thuật thâm canh bò. - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án	Thời gian thực hiện 36 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
6	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thí điểm thực hiện theo quy hoạch sản xuất nông nghiệp (cây trồng gắn với vật nuôi) tại xã Phở Vinh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.	- Giao trực tiếp cho UBND xã Phở Vinh, huyện Đức Phổ chủ trì thực hiện. - Cơ quan phối hợp chuyên giao công nghệ: Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ.	- Để hình thành vùng sản xuất chuyên canh có sự gắn kết giữa cây trồng và vật nuôi trên địa bàn xã Phở Vinh đảm bảo tính sản xuất bền vững và nâng cao thu nhập cho người dân. - Việc khảo sát lựa chọn loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tại địa phương, từ đó chuyển đổi cho phù hợp và áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trong trồng trọt và chăn nuôi; đồng thời thực hiện cơ giới hóa một số khâu trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương.	* Định hướng mục tiêu: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng các mô hình sản xuất gắn kết giữa trồng trọt và chăn nuôi bò phù hợp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập cho người dân. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Báo cáo chuyển đổi sản xuất gắn kết giữa trồng trọt và chăn nuôi phù hợp với điều kiện tại xã Phở Vinh. - Mô hình canh tác thí điểm các loại cây trồng và chăn nuôi bò tập trung hàng hóa tại xã Phở Vinh. - Hướng dẫn kỹ thuật canh tác các loại cây trồng phù hợp với điều kiện sản xuất tại xã Phở Vinh. - Hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi bò phù hợp với điều kiện chăn nuôi tại xã Phở Vinh. - 10 Kỹ thuật viên cơ sở am hiểu về kỹ thuật canh tác các loại cây trồng và kỹ thuật chăn nuôi bò đã được chọn thực hiện thí điểm. - 300 nông dân nắm được kỹ thuật canh tác các loại cây trồng và kỹ thuật chăn nuôi bò đã được chọn thực hiện thí điểm. - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện dự án.	Thời gian thực hiện 30 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
7	Dự án: Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ thực hiện chuyên canh cánh đồng mẫu về trồng rau và hoa tại xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.	- Giao trực tiếp cho UBND xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa chủ trì thực hiện. - Cơ quan phối hợp chuyên giao công nghệ: Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ.	- Nghề trồng rau và hoa đã có từ lâu đời tại xã Nghĩa Hiệp huyện Tư Nghĩa. Tuy nhiên, người dân canh tác còn dựa vào kinh nghiệm, sản xuất còn manh mún chưa hình thành được các vùng chuyên canh áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật nên năng suất và chất lượng sản phẩm chưa có tính cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại được sản xuất ở các địa phương khác. - Việc xây dựng cách đồng mẫu sản xuất rau và hoa là điều kiện để áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất và giá trị của sản phẩm trên đơn vị diện tích canh tác và tăng thu nhập cho người nông dân tại địa phương.	* Định hướng mục tiêu: Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ, áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật (giống, mật độ trồng, bón phân hợp lý, kỹ thuật tưới nước tiết kiệm) phù hợp với điều kiện chuyên canh trồng rau và hoa tại xã Nghĩa Hiệp đảm bảo về tiêu chuẩn, chất lượng và tăng năng suất, nâng cao thu nhập cho người dân * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Cánh đồng mẫu chuyên canh rau và hoa theo hướng an toàn, bền vững tại xã Nghĩa Hiệp huyện Tư Nghĩa. - Hướng dẫn kỹ thuật canh tác rau theo hướng an toàn phù hợp với điều kiện sản xuất tại xã Nghĩa Hiệp. - Hướng dẫn kỹ thuật canh tác hoa theo mùa vụ phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và điều kiện canh tác tại xã Nghĩa Hiệp huyện Tư Nghĩa. - 10 kỹ thuật viên cơ sở am hiểu về kỹ thuật canh tác rau theo hướng an toàn và kỹ thuật canh tác hoa theo mùa vụ; 200 nông dân nắm được kỹ thuật kỹ thuật canh tác rau theo hướng an toàn và canh tác hoa theo mùa vụ. - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện dự án.	Thời gian thực hiện 30 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
8	Dự án: Xây dựng vùng chuyên canh rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP tại xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi.	Giao trực tiếp cho UBND thành phố Quảng Ngãi chủ trì thực hiện.	- Hiện nay, nhu cầu sử dụng rau an toàn, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng của người dân ngày càng cao. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh chưa có vùng sản xuất đủ điều kiện để được chứng nhận vùng sản xuất rau an toàn. Do đó người tiêu dùng chưa có lòng tin đối với sản phẩm rau an toàn, việc xây dựng vùng rau chuyên canh đạt tiêu chuẩn rau an toàn nhằm đáp ứng nhu cầu cho người dân của thành phố Quảng Ngãi nói riêng và cho toàn tỉnh Quảng Ngãi nói chung là hết sức cần thiết. - Vừa qua, UBND thành phố Quảng Ngãi đã quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn tại xã Nghĩa Dũng với tổng diện tích 10,22 ha và dự kiến sẽ mở rộng diện tích vùng sản xuất rau an toàn lên 20 ha theo quy hoạch của UBND tỉnh phê duyệt năm 2010. Thành phố Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện trồng rau theo quy trình sản xuất rau an toàn từ vụ đông xuân 2012 - 2013 đến nay, tuy nhiên quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn. - Để có đủ cơ sở, điều kiện phát triển vùng sản xuất rau an toàn theo hướng chuyên canh đạt chứng nhận VietGAP thì việc hỗ trợ triển khai dự án “Xây dựng vùng chuyên canh rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP tại xã Nghĩa Dũng, thành phố. Quảng Ngãi” là cần thiết hiện nay.	* Định hướng mục tiêu: Phát triển vùng sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP tại vùng quy hoạch sản xuất rau an toàn xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn khép kín (từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm) theo tiêu chuẩn VietGAP, quy mô 10,22 ha tại xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi. - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện dự án.	Thời gian thực hiện 30 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
III. Lĩnh vực Kỹ thuật – Công nghệ					
9	Dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất báo in tại Báo Quảng Ngãi.	Giao trực tiếp cho Báo Quảng Ngãi chủ trì thực hiện	- Hiện nay, Báo Quảng Ngãi được xuất bản 4 số báo/tuần, bình quân 1 số báo có 50 tin, bài, ảnh. Số lượng phóng viên, cộng tác viên: 150 người. Thời gian bình quân xử lý tin bài: 2 ngày/1 số báo. Thời gian lưu trữ thông tin: 10 - 20 năm. Thời gian tra cứu thông tin lưu trữ: 01 - 08 giờ. Chi phí văn phòng phẩm (giấy in, mực) phục vụ công tác biên tập: 50 triệu đồng/năm. Tuy nhiên vẫn chưa có công cụ hỗ trợ cho quá trình làm báo cũng như là công tác quản lý xuất bản. - Quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý chuyên ngành tại Báo Quảng Ngãi còn chậm. Các công đoạn biên tập, trao đổi thông tin chủ yếu là thủ công, phải in bản giấy để chỉnh sửa nên việc xử lý tin bài không kịp thời. - Hệ thống lưu trữ thông tin phần lớn vẫn dựa trên giấy, không phục vụ kịp thời cho công tác quản lý và tra cứu thông tin. - Việc quản lý, chỉ đạo điều hành công việc của phóng viên, biên tập viên hoàn toàn bằng thủ công, nhiều công đoạn. Thời gian và chi phí cho các công việc trung gian nhiều, tác động không nhỏ đến hiệu quả và chất lượng của sản phẩm. Do đó, việc triển khai dự án sẽ tác động tích cực giúp Báo Quảng Ngãi thực hiện tốt hơn chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phù hợp với xu thế hiện đại hóa ngành báo chí hiện nay.	* Định hướng mục tiêu: Ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình xuất bản báo in tại Báo Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa và nâng cao chất lượng, hiệu quả. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Hệ thống phần mềm quản lý công tác xuất bản và quản lý báo chí, gồm các nội dung: + Quản lý Xuất bản báo in; + Quản lý và kiểm soát công tác biên tập, xử lý tin bài; + Quản lý, xử lý hệ thống thông tin lưu trữ (các số báo, nội dung, loại tin, tác giả); + Quản lý đối tượng liên quan đến công tác làm báo, các chế độ, trách nhiệm, quyền lợi của đối tượng; + Kiểm soát và quản lý quá trình khiếu nại tố cáo, giải quyết yêu cầu của bạn đọc, tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi của độc giả. + Hỗ trợ công tác điều hành, tác nghiệp của cơ quan Báo chí; Quản lý văn bản hành chính, nhân sự, tiền lương. - Địa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện dự án.	Thời gian thực hiện 18 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
10	Đề tài: Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký khai sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Giao trực tiếp cho Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi chủ trì thực hiện.	- Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của mỗi cá nhân. Pháp luật về hộ tịch đã quy định rất chặt chẽ, chi tiết từ trình tự thủ tục thực hiện đăng ký khai sinh cho công dân, quy định về giá trị pháp lý của giấy khai sinh, ... - Tuy nhiên, trong những năm qua trên địa bàn tỉnh công tác quản lý đăng ký khai sinh cho công dân còn gặp nhiều khó khăn, nảy sinh nhiều vướng mắc trong thực tế. Tỷ lệ trẻ em sinh ra chưa được khai sinh đúng hạn còn chiếm tỷ lệ cao, việc thay đổi thông tin hộ tịch còn tùy tiện, đã có trường hợp một công dân có đến 3 giấy khai sinh có ngày tháng năm sinh khác nhau,... Chính điều này đã làm cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực còn những khó khăn nhất định, đặc biệt có những trường hợp liên quan đến pháp luật hình sự hoặc giải quyết chế độ chính sách khi công dân cung cấp các giấy tờ tùy thân có mâu thuẫn với nhau về ngày tháng năm sinh. - Đối với công tác quản lý, đội ngũ công chức tư pháp hộ tịch làm công việc này cũng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, một số chưa được đào tạo bồi dưỡng về nghiệp vụ, chưa biết cách áp dụng pháp luật nên thực hiện công việc còn nhiều sai sót. Việc lưu trữ các giấy tờ sổ sách hộ tịch cũng chưa được các địa phương quan tâm đúng mức. Những điều này đã tác động không nhỏ đến việc thực hiện quản lý nhà nước trong công tác đăng ký khai sinh trên địa bàn tỉnh.	*Định hướng mục tiêu: - Đánh giá thực trạng công tác đăng ký khai sinh của công dân trên địa bàn tỉnh; và thực trạng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch. - Nâng cao nhận thức quyền được đăng ký khai sinh của công dân; Hiện đại hóa công tác quản lý đăng ký khai sinh của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Các giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện đăng ký khai sinh của công dân và công tác quản lý nhà nước về đăng ký khai sinh và các thủ tục hộ tịch có liên quan trên địa bàn tỉnh. - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện đề tài.	Thời gian thực hiện 24 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
11	Đề tài: Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Hệ thống Quản lý Văn bản, Chứng chỉ, đáp ứng dịch vụ công trực tuyến.	Giao trực tiếp cho Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi chủ trì thực hiện.	- Hiện nay, số lượng hồ sơ tốt nghiệp các kì thi từ năm 1975 của tỉnh Quảng Ngãi đang được Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo lưu trữ và quản lý là tương đối lớn. Phần lớn hồ sơ ở dạng giấy, đa số là giấy kém chất lượng, có hiện tượng mực nát, nhòe nét mực. Việc cấp bản sao, thẩm tra văn bản, chứng chỉ gặp nhiều khó khăn. - Bên cạnh đó, công tác quản lý văn bản, chứng chỉ tại Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo chưa được đổi mới, thực hiện thủ công là chủ yếu. Do đó, việc triển khai đề tài là rất cần thiết để khắc phục những tồn tại nêu trên, quản lý và đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin văn bản, chứng chỉ một cách khoa học, chống hiện tượng sử dụng văn bản, chứng chỉ giả, góp phần hiện đại hóa công tác cải cách hành chính của tỉnh hiện nay.	* Định hướng mục tiêu: Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) danh sách tốt nghiệp từ năm 1975 đến năm 2013 (gồm: tốt nghiệp THPT, Chứng chỉ tin học, Ngoại ngữ) trong toàn tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi cấp và quản lý. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Cơ sở dữ liệu Văn bản, Chứng chỉ do Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi quản lý và cấp từ năm 1975 đến năm 2013. Đưa hệ thống vào ứng dụng, khai thác qua mạng internet đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu. - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện đề tài.	Thời gian thực hiện 18 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
12	Đề tài: Nghiên cứu đánh giá tình trạng kỹ thuật và xây dựng bộ Thiết kế mẫu tàu đánh cá có công suất từ 90 đến dưới 250 mã lực của tỉnh Quảng Ngãi.	Giao trực tiếp cho Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện.	- Hiện nay, phần lớn tàu đánh bắt cá của tỉnh là loại vỏ gỗ, cỡ vừa và nhỏ, công suất dưới 250 mã lực và được đóng theo kinh nghiệm truyền thống của địa phương. Sau khi đóng xong, chủ tàu mới tiến hành lập hồ sơ kỹ thuật nhằm hoàn thiện thủ tục đăng ký để đưa tàu vào hoạt động. Do đó đa số hồ sơ kỹ thuật còn mang nặng tính hình thức, thiếu quan tâm đến các tính năng, mức độ an toàn của con tàu trong quá trình khai thác. - Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi chưa có bộ Thiết kế mẫu cho tàu cá lắp máy chính từ 90 đến dưới 250 mã lực. Theo quy định, nếu không có Thiết kế mẫu thì bắt buộc chủ tàu phải lập Thiết kế kỹ thuật trước khi đóng tàu, chi phí để lập Thiết kế kỹ thuật hiện nay khoảng 15 triệu đồng là tương đối cao so với khả năng của chủ tàu. - Trong thời gian qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tạm thời cho phép tàu cá đóng mới lắp máy chính từ 90 đến dưới 250 mã lực được đóng theo kinh nghiệm truyền thống địa phương, sau khi đóng xong tàu chủ tàu mới tiến hành lập hồ sơ kỹ thuật để đăng kiểm, đăng ký và đưa tàu vào hoạt động. Việc cho phép tạm thời này có ưu điểm là giảm chi phí cho chủ tàu nhưng có nhược điểm là việc đóng theo kinh nghiệm đôi lúc chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và gây khó khăn cho cơ quan đăng kiểm trong việc giám sát kỹ thuật suốt quá trình đóng tàu. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quy định: các địa phương xây dựng và phê duyệt bộ hồ sơ thiết kế mẫu về mẫu tàu cá để phổ biến áp dụng	* Định hướng mục tiêu: Xây dựng bộ thiết kế mẫu tàu cá đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo Quy phạm trên cơ sở phân tích, cải tiến những tàu cá hiện có được đóng theo kinh nghiệm truyền thống của địa phương. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Hồ sơ Thiết kế mẫu cho 40 mẫu tàu đánh bắt cá có công suất từ 90 đến dưới 250 mã lực phù hợp với mẫu tàu truyền thống của ngư dân tỉnh Quảng Ngãi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. - Báo cáo khoa học về tình trạng kỹ thuật và mức độ an toàn của đội tàu đánh cá có công suất từ 90 đến dưới 250 mã lực. - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện đề tài.	Thời gian thực hiện 18 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
13	Dự án: Xây dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm truyền thống của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2014 - 2016.	Giao trực tiếp cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện.	- Hiện nay tỉnh ta có các nghề, làng nghề sau: Huyện Đức Phổ: Làng nghề chế biến hải sản thôn Thạch Bi, xã Phổ Thạnh; Làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, mây tre đan xã Phổ Ninh; Làng nghề chổi dót xã Phổ Phong. Huyện mộ Đức: Làng nghề sản xuất nước mắm xã Đức Lợi. Huyện Nghĩa Hành: Làng nghề sản xuất bánh tráng, bún xã Hành Trung. Huyện Tư Nghĩa: Làng nghề trồng cây cảnh thôn Hoà Tân xã Nghĩa Hoà; Làng nghề mây tre đan, dừa tre xã Tịnh Ấn Tây; Nghề rèn xã Tịnh Minh và Nghề sản xuất thịt bò khô, Nghề sản xuất đường, kẹo đặc sản thành phố Quảng Ngãi. - Mặc dù tỉnh đã có những chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nhưng các làng nghề, sản phẩm truyền thống của tỉnh vẫn chưa phát triển chưa tạo được vị thế trên thị trường. - Do đó việc thực dự án “Xây dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm truyền thống của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2014 -2016” nhằm khôi phục và phát triển nghề, làng nghề truyền thống, nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo uy tín trên thị trường.	* Định hướng mục tiêu: - Nâng cao giá trị, ổn định chất lượng các sản phẩm đặc sản truyền thống địa phương khi đưa ra thị trường nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh cũng như bảo vệ kết quả sáng tạo của các chủ sở hữu các sản phẩm về sở hữu trí tuệ. - Nâng cao nhận thức về quyền Sở hữu trí tuệ, quản lý chất lượng sản phẩm. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Phiếu điều tra, thu thập số liệu; - Giấy chứng nhận: + Nhãn hiệu, Nhãn hiệu Tập thể, Nhãn hiệu Chứng nhận: 80 sản phẩm + Mã số mã vạch: 80 sản phẩm + Công bố tiêu chuẩn cơ sở: 80 sản phẩm -Thiết kế, in ấn nhãn hiệu, logo, bao bì sản phẩm, biển hiệu, biểu trưng: 10 sản phẩm tiêu biểu - Sản phẩm phục vụ tuyên truyền, quảng bá, tham gia Hội chợ, triển lãm, ... - Tài liệu tập huấn, phim tư liệu, ảnh, phóng sự. - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết tổng thể dự án.	Thời gian thực hiện 36 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
14	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ lên men ở nhiệt độ thấp nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu các chỉ số COD/Màu trong nước thải sau khâu chế biến và nâng cao hiệu quả vận hành Nhà máy Bioethanol Dung Quất.	Giao trực tiếp cho Công ty Cổ phần nhiên liệu sinh học dầu khí Miền Trung chủ trì thực hiện.	- Nhà máy Bioethanol Dung Quất sử dụng công nghệ lên men trực tiếp tinh bột sau hồ hoá ở nhiệt độ 110⁰C là công nghệ phổ biến. Quá trình hồ hoá ở nhiệt độ cao gây chuyển hoá một phần đường Caramen tạo ra các chất màu khó phân huỷ sinh học. Với các tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ sinh học hiện nay trên thế giới, đã thương mại hoá nhiều chủng men mới cho phép chuyển hoá dịch bột hồ hoá ở nhiệt độ nấu thấp hơn. Ưu điểm của nó là giảm thiểu chi phí năng lượng cần cấp cho quá trình hồ hoá và giảm thiểu việc tạo ra các hợp chất màu tạo ra trong quá trình nấu ở nhiệt độ cao, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chi phí xử lý nước thải và góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. - Kết quả nghiên cứu của Đề tài sẽ được ứng dụng trực tiếp tại Nhà máy Bioethanol Dung Quất và có thể mở rộng cho các nhà máy sản xuất ethanol khác của tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam.	*Định hướng mục tiêu: - Nghiên cứu thử nghiệm các chủng men mới hoạt động ở nhiệt độ thấp hơn 110 °C (dự kiến khoảng 90 °C) phù hợp cho Nhà máy. - Cải tiến công nghệ lên men ở nhiệt độ thấp hơn 110°C tại Nhà máy. - Tính toán hiệu quả kinh tế của việc giảm chi phí năng lượng, cải thiện các chỉ tiêu chất lượng nước thải như: TSS/COD/Màu. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Phương án công nghệ của Nhà máy Bioethanol Dung Quất khi sử dụng công nghệ lên men mới. - Các loại men mới thay thế loại men hiện tại của nhà máy Bioethanol Dung Quất. - 02 bài báo khoa học. - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết tổng thể đề tài.	Thời gian thực hiện 24 tháng

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
IV	Lĩnh vực điều tra cơ bản tài nguyên thiên nhiên và môi trường				
15	Nghiên cứu hiện trạng, một số đặc điểm sinh thái học, các tác nhân làm suy thoái quần thể loài Rùa Trung bộ và đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn loài Rùa Trung bộ ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.	Tuyển chọn Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài.	- Loài Rùa Trung bộ mặc dù được bảo vệ bởi pháp luật của Việt Nam về bảo vệ động vật hoang dã, theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP, nhưng thực tế vẫn chưa thể ngăn chặn nạn buôn bán trái phép và sự săn bắt đến mức hủy diệt. Vì loài này có giá trị cao, bổ dưỡng trong thực đơn món ăn ẩm thực và làm thuốc chữa bệnh... Cho đến nay, chưa có ghi nhận nào về Rùa Trung bộ ở các khu bảo tồn thiên nhiên đã được khoanh vùng của Việt Nam. Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi là khu vực hiếm hoi của miền Trung vẫn còn ghi nhận sự tồn tại 1 nhóm cá thể loài trong tự nhiên với những sinh cảnh quan trọng cho sự sống còn của loài Rùa quý hiếm này. Điều này làm tăng thêm mức độ cấp bách của việc cần thiết phải khoanh vùng, bảo vệ môi trường sống cho loài Rùa Trung bộ-một loài quý hiếm đang dần biến mất trên bản đồ sinh vật học của Việt Nam. - Kết quả nghiên cứu đề tài là cơ sở khoa học cho các chiến lược và giải pháp bảo tồn loài Rùa Trung bộ ở Quảng Ngãi và khu vực Miền Trung Việt Nam.	* Định hướng mục tiêu: - Nghiên cứu một số đặc điểm sinh thái học (thức ăn, môi trường sinh sống và khả năng sinh sản phát triển) phục vụ cho công tác bảo tồn loài Rùa Trung bộ tại huyện Bình Sơn; - Xác định hiện trạng tính đa dạng sinh học vùng trung tâm và ven khu vực đề xuất dự án bảo tồn loài Rùa Trung bộ tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. - Xác định các tác nhân đe dọa sự tồn tại và phát triển bền vững loài Rùa Trung bộ. Đề xuất các biện pháp quản lý và bảo tồn. * Yêu cầu đối với sản phẩm: - Bộ tư liệu khoa học về tính đa dạng sinh học và các đặc điểm sinh thái học của Rùa Trung bộ tại huyện Bình Sơn. - Bản đồ phân bố của loài Rùa Trung bộ, trên đó chỉ rõ các quần thể quan trọng cho bảo tồn, tỷ lệ 1/50.000. - Các giải pháp cụ thể và khả thi để bảo tồn loài Rùa Trung bộ tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. - Công bố các bài báo trong tạp chí khoa học SCI hoặc SCI-E, 1 bài trên tạp chí trong nước. - Đĩa CD/DVD lưu trữ kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết tổng thể đề tài.	Thời gian thực hiện 24 tháng